

## HÔN NHÂN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CHU-RU (Nghiên cứu trường hợp ở huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng)

VÕ TẤN TÚ

Theo Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ngày 02/3/1979, người Chu-ru có dân số đứng thứ 36 trong 54 dân tộc Việt Nam. Đây là một trong các tộc người sinh sống lâu đời ở Việt Nam, thuộc loại hình nhân chủng Indonesian, có mối quan hệ ngôn ngữ rất gần gũi với các tộc: Chăm, Ê-đê, Gia-rai, Raglai. Hiện nay, người Chu-ru sinh sống chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng.

Tổng dân số Chu-ru ở Lâm Đồng là 14.978 người, có ở nhiều huyện trong tỉnh nhưng tập trung chủ yếu ở hai huyện Đơn Dương và Đức Trọng. Ở Đơn Dương, người Chu-ru sống tập trung ở các xã: Ka Đô, Prók, Tu Tra. Ở Đức Trọng, họ sống tập trung ở các xã Tà Hin, Tà Năng, Đà Loan và Phú Hội (Vũ Đình Lợi, 1994).

Cho đến nay, những nghiên cứu chuyên khảo về hôn nhân và gia đình của người Chu-ru còn ít được đề cập. Bài viết này trình bày những quan niệm, loại hình, quy tắc, các bước nghi lễ trong hôn nhân truyền thống của cộng đồng người Chu-ru và những biến đổi trong hôn nhân trong giai đoạn hiện nay trên cơ sở tư liệu khảo sát thực tiễn ở huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

### 1. Những quan niệm, loại hình hôn nhân truyền thống

#### 1.1. Những quan niệm trong hôn nhân

Theo quan niệm của người Chu-ru, hôn nhân là quy luật tự nhiên, bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời mỗi con người, đánh dấu bước trưởng thành và xác lập vai trò, vị trí của mỗi cá nhân trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Trong luật tục Chu-ru có câu: “*Chiptơ longi a rờ tograi hũ tonơ, alạt toia a rờ tograi hũ tonơ, rosn tochơ a rờ tograi hũ tonơ, hũ borai toai lài anà monih bloh bu hũ sodiũ, bu hũ bosăk*” (Cá dưới nước có con đực con cái, chim bay trên trời có con đực con cái, nai trong rừng có con đực con cái, huống chi là con người chúng ta phải có vợ có chồng)<sup>1</sup>.

Hôn nhân không những là sự kiện quan trọng đối với một cá nhân nào đó, mà là sự kiện quan trọng của mỗi gia đình, dòng họ và rộng hơn nữa là cả làng (*ploi/plei*). Người Chu-ru theo chế độ mẫu hệ, nên quan niệm giữa nhà trai, nhà gái ít nhiều có sự khác nhau so với các tộc người theo chế độ phụ hệ. Cư trú sau hôn nhân

<sup>1</sup> Theo ông Jơ Long Ya Loan, sinh 1946, thôn R’lơm, xã Tu Tra, Đơn Dương.

của người Chu-ru là bên nhà gái, nên hôn nhân theo quan niệm của nhà trai là họ mất đi một người lao động đã trưởng thành mà họ đã dày công để nuôi dạy, vì thế nhà gái phải có trách nhiệm trả lại phần nào sự mất mát đó. Đối với nhà gái, hôn nhân là việc quan trọng của gia đình và dòng họ, nên không dễ dàng gì để cưới một người biết làm ăn, hiếu thảo, lễ phép và biết lo cho gia đình vợ. Trong phạm vi khác, hôn nhân có ảnh hưởng đến sự phát triển của cộng đồng buôn làng. Trong tâm thức của mỗi người Chu-ru, nghi lễ hôn nhân cần phải có sự chứng kiến của các thần linh (*Yang*), phải thực hiện các nghi lễ cúng thần để mong được chứng nhận, phù hộ mọi điều tốt lành cho cặp vợ chồng trẻ, dòng họ và cộng đồng.

Khi chọn vợ, nam thanh niên Chu-ru thường chọn những cô gái có tính tình thùy mị, nết na, chăm chỉ làm ăn, thông thạo các công việc do giới tính quy định, biết cư xử khéo léo trong gia đình và ngoài xã hội. Còn nữ giới luôn mong muốn người chồng tương lai của mình phải nhanh nhẹn, tháo vát, khỏe mạnh, chịu khó làm ăn, không ỷ lại vào gia đình, biết tôn trọng mọi người, đặc biệt phải lễ phép với cha mẹ và những người bề trên trong gia đình. Trước kia, vẻ đẹp bề ngoài của con người không có nhiều ý nghĩa trong việc chọn vợ, kén chồng của nam nữ thanh niên Chu-ru.

Trước kia, người Chu-ru ở Đơn Dương, Lâm Đồng, nam nữ thường lập gia đình rất sớm, khoảng từ 13 tuổi đến 15 tuổi. Người con trai và con gái được cộng đồng xem là trưởng thành chủ yếu là dựa vào hình dáng bề ngoài của họ, tức là khi thấy cơ thể đã phát triển đầy đặn, đủ khả năng làm cha, làm mẹ mà không căn cứ vào độ tuổi nhất

định, chứ không phải qua lễ trưởng thành cho con trai và con gái như các tộc người khác. Nam, nữ Chu-ru khi được xem là đã đến tuổi trưởng thành được tham gia các lễ hội, sinh hoạt vui chơi, múa hát của cộng đồng làng. Tối đến, họ thường tập trung ngủ ở nhà bạn bè, để vui chơi, trò chuyện yêu đương, tìm hiểu nhau. Hiện tượng quan hệ nam, nữ tiền hôn nhân được luật tục cho phép và trình tiết của người con gái không hề có ảnh hưởng gì tới việc kết hôn sau này, nhưng nếu không có sự đồng ý của cha mẹ hai bên thì hôn nhân sẽ không được tiến hành. Thông thường, nếu sự lựa chọn ấy không vi phạm luật tục thì sẽ được cha mẹ hai bên đồng ý, ủng hộ và tạo điều kiện.

Trước kia, các bậc cha mẹ hai bên thường là bạn bè thân thiết hay là ân nhân của nhau thường đính ước sẽ gả con cho nhau từ khi chúng còn rất nhỏ, thậm chí chưa ra đời. Khi đính ước, hai bà mẹ trao đổi cho nhau mỗi người một con gà, một ché rượu cần và hứa rằng sau này nếu người này sinh con trai, người kia sinh con gái thì sẽ tác hợp cho chúng thành vợ chồng. Còn nếu cả hai cùng sinh con gái hoặc con trai thì lời hôn ước đó coi như không còn giá trị. Luật tục Chu-ru có câu "*Monuih pal hũ giông noi, Pal achual mong tung m'tiàn*" (Dịch sát nghĩa: Người cần nhất phải có giống nòi, phải kết nghĩa ngay trong bụng thai)<sup>2</sup>.

Việc đính ước này được quy định rất chặt chẽ. Khi hai đứa trẻ lớn lên mà không đồng ý lấy nhau thì cha mẹ hai bên thường dùng bùa yêu để tránh bị mang tiếng là bội ước. Theo lời của già làng Touneh Ya Tong,

<sup>2</sup> Theo ông Boni Ya Ga, sinh 1950, thôn Ma Đanh, xã Tu Tra, Đơn Dương.

sinh năm 1938, ở thôn Ma Đanh, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, thì thường yếm vào những thứ đồ ăn mà con trai và con gái thích ăn. Việc làm này được xem là một bí mật trong gia đình.

Trường hợp hai gia đình đã hứa hôn mà một trong hai gia đình bội ước thì phải đền danh dự cho gia đình kia một con trâu. Gia đình người bội ước sẽ mời tất cả mọi người trong gia đình, dòng họ người bên kia đến để xin lỗi trước sự chứng kiến của già làng (*tha ploi*). Chỉ khi đã nộp phạt và xin lỗi xong thì con của họ mới được phép lập gia đình với người khác, nếu không sẽ bị mọi người chê cười và suốt đời không lấy được vợ, được chồng.

Luật tục Chu-ru cho phép nam nữ trưởng thành được quan hệ tình dục trước hôn nhân, nhưng nếu để có thai thì người con gái bị phạt vạ rất nặng bằng một con trâu để đền bù danh dự cho chàng trai vì gia đình chàng trai cho rằng, cô gái đó đã làm xấu hổ, mất danh dự con trai và gia đình họ. Gia đình cô gái còn phải giết thịt một con trâu để thết đãi mọi người trong tộc họ chàng trai đến ăn và xin họ tha thứ. Trong trường hợp hai bên gia đình đã làm lễ ăn hỏi nhưng chưa làm đám cưới mà cô gái đó “trót” có thai thì không bị phạt vạ, vì luật tục Chu-ru cho rằng, sau khi làm lễ ăn hỏi, nam, nữ đã được cộng đồng, thần linh (*Yang*) công nhận là vợ chồng.

Do độ tuổi kết hôn tương đối sớm nên người con gái quá 25 tuổi mà chưa cưới chồng sẽ bị xem là đã quá lứa lỡ thì, sẽ không có hoặc có rất ít chàng trai để ý đến. Nếu lấy chồng, họ sẽ không được quyền rước chồng về nhà mình mà phải sang cư trú bên nhà chồng. Nam giới đã ngoài 30 tuổi

mà chưa lập gia đình sẽ bị xem là ế. Ở độ tuổi này, nếu có cô gái trẻ tuổi nào để ý đến và muốn cưới anh ta về làm chồng thì số tiền mà nhà gái phải trả để cưới chàng trai cũng ít hơn so với những nam thanh niên khác, vì gia đình nhà vợ cho rằng chàng trai đó quá già so với con gái họ và cưới được vợ trẻ đã là một điều may mắn với chàng ta.

Cụ thể, trường hợp bà Jơ Nung Sang Nai A ở thôn Proh Trong, xã Proh, huyện Đơn Dương, sinh năm 1960, khi mới 13 tuổi, bà ngoại và ông cậu của bà đã chủ động gả bà cho ông Jơ Long Ya B, sinh năm 1941, tức chồng bà, lớn hơn bà 19 tuổi. Lúc đó, bà Jơ Nung Sang Nai A không đồng ý, nhưng dưới sức ép của gia đình, phải qua bốn lần làm lễ dạm ngõ thì đám hỏi mới chính thức được tiến hành. Trong lễ dạm ngõ, gia đình bà Jơ Nung Sang Nai A chỉ phải nộp cho gia đình ông Jơ Long Ya B một dây cườm, một chiếc nhẫn bạc và một ché rượu cần. Ngoài ra, khi sang cư trú nhà vợ sau lễ cưới, cha mẹ ông Jơ Long Ya B còn cho thêm rất nhiều tài sản bao gồm: một con trâu, một con lợn, một cặp gà, một cặp vịt có cả con trống và mái, một bao lúa giống và một số quần áo công cụ lao động thường ngày của ông.

## 1.2. Các loại hình hôn nhân

Người Chu-ru ở huyện Đơn Dương vẫn còn duy trì các loại hình hôn nhân con cô, con cậu; hôn nhân anh em chồng, chị em vợ; tục đa thê.

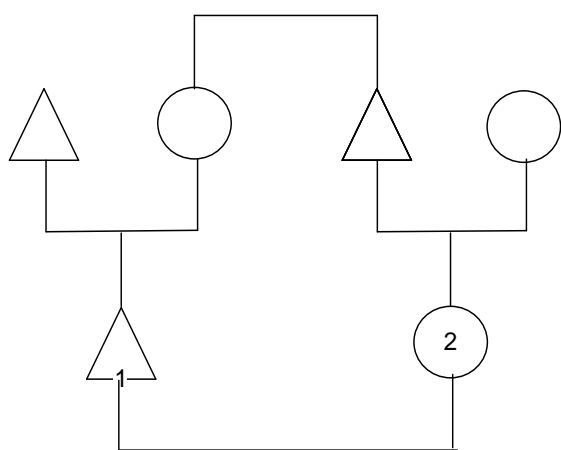
### 1.2.1. Hôn nhân con cô, con cậu

Đây là hình thức hôn nhân có từ xa xưa, hiện nay vẫn còn tồn tại và được người Chu-ru xem như một trong những hình thức kết hôn được ưu tiên để duy trì, bảo vệ tài

sản trong gia đình, dòng họ. Mặc khác, hình thức hôn nhân này cũng sẽ “tiết kiệm” được nhiều của cải, vì phí tổn đám cưới và lễ vật thách cưới trong các cuộc hôn nhân kiểu này được giảm lược đi rất nhiều. Việc con cô, con cậu kết hôn với nhau được luật tục Chu-ru nhắc đến như một lời khuyến khích: “*Jor tài phản bona bub hũ choluôi brei tom ’nuih bokõn, Tơ bõa sài anạ tocho drei pioh kojãp suidàh, Buh brei phản bona lohĩa roh*” (Dịch sát nghĩa: Của cải không tách rời cho người khác, phải nối lại con cháu để giữ lâu dài, không được để của cải mất đi)<sup>3</sup>.

Hình thức hôn nhân này rất được ưa thích đối với những người lớn tuổi trước đây trong cộng đồng. Song ngày nay không còn được giới trẻ ủng hộ vì họ đều cho rằng con cô, con cậu có mối quan hệ huyết thống quá gần.

Cụ thể, trường hợp chị Bơ Nhông Ma Im, sinh năm 1975 (2) ở thôn Pró Ngó, xã Proh, huyện Đơn Dương cưới con trai của người cô ruột mình là Jor Long Ya Thiêng, sinh năm 1977 (1) (xem sơ đồ).



<sup>3</sup> Theo bà Touprong Ma Wy, sinh 1959, thôn R’lom, xã Tu Tra, Đơn Dương.

### 1.2.2. Loại hình hôn nhân anh em chồng và chị em vợ

Trước kia, hai hình thức hôn nhân này xảy ra khá phổ biến ở người Chu-ru. Theo đó, người vợ góa được phép lấy người anh hoặc em trai của người quá cố làm chồng của mình. Ngược lại, khi vợ chết, người chồng được phép cưới người chị hoặc em gái chưa lập gia đình của người vợ quá cố làm vợ của mình. Tuy vậy, hôn nhân chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của hai đương sự. Theo cách giải thích của nhiều bậc cao niên, sở dĩ có hình thức hôn nhân này là vì người Chu-ru quan niệm hôn nhân không những nối buộc các cá nhân mà còn là sự kết giao gia đình, dòng họ hai bên. Vì thế, để tiếp tục tăng cường mối liên minh đó, gia đình phải tìm người thay thế người đã mất. Mặt khác, sống với những người cha mẹ kế là những người trong họ hàng thân thiết, những đứa con của người quá cố sẽ được chăm sóc, nuôi nấng chu đáo, cẩn thận hơn. Luật tục của người Chu-ru cũng đã có câu nhấn mạnh tầm quan trọng của loại hình hôn nhân này: “*Yah hũ toloi anhũ kloh, yah hũ khan potih lohĩa, krung you monih lohĩa. Koyua bu õng anạ docho droi pal robah (glar), koyua bu bõng joi botiàn droi lüilát, non toloi anhũ kloh pal tobũa, khãn lohĩa pal hũ khan borhou, monih lohĩa (mơ tai) pal hũ monih luoi konòr*” (Dịch sát nghĩa: Khi hạt cườm bị đứt, khi khăn trắng bị mất, cũng như khi người mất, bởi không muốn con cháu mình phải khổ, bởi không muốn giống nòi mình bị diệt nên cườm đứt phải nối, khăn mất phải mua khăn mới, người mất phải có người thay thế)<sup>4</sup>.

<sup>4</sup> Theo ông Jơ Long Ya Đạt, sinh 1948, thôn R’lom, xã Tu Tra, Đơn Dương.

Khi vợ hoặc chồng chết, gia đình người quá cố sẽ bàn bạc và chọn ra người thay thế. Thời gian chọn là 7 ngày sau khi người xấu số qua đời. Người được chọn có thể là anh/chị/em ruột hoặc anh/chị/em họ hàng gần gũi với người quá cố. Khi đã chọn được người thay thế, một năm sau, hôn lễ sẽ được tiến hành. Nếu vợ chết mà gia đình bên vợ không chọn được người phụ nữ thay thế, người đàn ông sẽ quay về sống tại gia đình cha mẹ hoặc chị em ruột của mình; những đứa con được giao lại cho cha mẹ hoặc chị em của vợ nuôi dưỡng. Trường hợp người chồng chết, người vợ không tìm được anh hoặc em trai của chồng thay thế thì chị ta sẽ ở vậy nuôi con hoặc có thể đi lấy người khác sau một năm chịu tang. Khi chưa hết thời gian chịu tang mà người đó tái giá hoặc có quan hệ tình dục với một người khác, nếu bị mọi người phát hiện sẽ bị xem là ngoại tình. Họ bị mọi người trong gia đình, dòng họ của người chết phạt vạ rất nặng do đã khinh thường người chồng quá cố cũng như khinh thường dòng họ của anh ta. Tiếng Chu-ru gọi những người này là *gua co atâu* (người dẫm đạp lên đầu người chết). Họ phải nộp phạt cho cha mẹ người chết một con trâu. Nếu không có trâu thì phải nộp một con heo nặng một tạ; nộp cho mỗi người trong dòng họ người chết một chiếc khăn hoặc một sợi dây cườm theo yêu cầu của họ. Sau đó, *gua co atâu* phải đến trước mộ người chết xin được tha lỗi.

Sau thời gian chịu tang là một năm, nếu người sống muốn tái giá thì lễ cưới sẽ được tiến hành. Các nghi lễ, cách thức tiến hành một lễ cưới của những người tái giá hoàn toàn giống với lễ cưới lần đầu, nhưng lễ vật thách cưới ở đây có phần thay đổi. Ở trường hợp vợ chết, người chồng khi lấy chị, em gái của vợ thay thế sẽ được cha mẹ vợ

cho thêm một con trâu và một số tài sản do người con gái đó làm ra. Trường hợp chồng chết, nếu vợ chọn anh hoặc em trai của chồng thay thế sẽ không phải nộp tiền thách cưới. Nếu cô ta không cưới anh hoặc em trai của chồng mà cưới một người khác thì buộc họ phải nộp tiền thách cưới tùy theo yêu cầu bên gia đình người chồng mới.

Ngày nay, tâm lý giới trẻ Chu-ru không thích kiểu kết hôn này, thậm chí họ phản đối rất kịch liệt. Họ cho rằng, hình thức kết hôn này sẽ không đem lại hạnh phúc, sự bền vững trong quan hệ hôn nhân do sự chênh lệch về tuổi tác và bất đồng về suy nghĩ, quan điểm giữa hai người.

Ngoài hình thức kết hôn anh em chồng, chị em vợ, trong cộng đồng Chu-ru trước đây ở Lâm Đồng, còn có trường hợp kết hôn giữa bà - cháu, ông - cháu. Khi ông hoặc bà chết, cháu có thể thay thế nhưng hình thức kết hôn này rất hiếm xảy ra do sự chênh lệch về tuổi tác, vai vế giữa hai người, khi kết hôn sẽ dẫn đến những vấn đề bất tiện trong cuộc sống. Ngày nay, tập tục này hầu như không còn nữa.

### 1.2.3. Tục đa thê

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng đã được xác lập một cách vững chắc từ lâu đời ở người Chu-ru. Mặc dù vậy, trong những hoàn cảnh nhất định, người đàn ông có thể lấy nhiều vợ, nhưng phải được sự đồng ý của người vợ cả.

Theo luật tục của người Chu-ru, một khi người vợ cả vô sinh hoặc bệnh tật ốm yếu, không lo toan, gánh vác được những thiên chức của người phụ nữ trong gia đình thì họ phải cưới thêm một người phụ nữ khác cho chồng của mình để có người sinh con đẻ cái, cùng lo toan công việc gia đình.

Theo lời kể của già làng Touprong Ya Dung, sinh năm 1951, ở thôn Ka Đô cũ, xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, khi người chồng đã lựa chọn được một người phụ nữ vừa ý, anh ta sẽ về bàn bạc với vợ cả ngày tổ chức cưới. Đến ngày đã định, người vợ cả cùng chồng đi đến nhà người phụ nữ đó bàn chuyện thách cưới, tổ chức hôn lễ cho hai người với điều kiện cô ta chưa lập gia đình và chưa có con cái. Khi cha mẹ cô gái đồng ý, người vợ sẽ hỏi ý kiến cô gái. Nếu cô gái đồng ý, hai bên bàn chuyện thách cưới. Khi hai bên chấp thuận, người vợ sẽ đứng giữa người chồng và cô gái, đeo nhẫn bạc, dây cườm cho cô gái và nói: “Từ nay chị em mình sẽ ở chung một nhà, ăn chung một nồi, cưới chung một chồng. Những việc lớn nhỏ trong nhà cả ba người cùng làm, cùng hưởng, không ai được lười biếng, ỷ lại người khác. Nếu trong quá trình chung sống, em không làm tròn trách nhiệm của một người vợ đối với chồng; trách nhiệm của một người em đối với chị sẽ bị trả về lại nhà cha mẹ của mình. Xin mọi người trong gia đình, dòng họ cô gái chứng kiến”. Sau đó, người vợ cả xin phép cha mẹ, dòng họ cô gái được phép đưa cô ta về cư trú nhà vợ chồng mình. Về nhà, người vợ cả giết một con trâu, mời mọi người trong dòng họ bên mình và bên chồng về ăn uống. Cả hai vợ chồng sẽ giới thiệu cô gái với mọi người và mời họ làm chứng cho tình yêu của ba người. Khi về ở nhà chồng và vợ cả, cô gái phải làm việc chăm chỉ, siêng năng, phải gọi người vợ cả là chị, nếu người vợ cả có con thì cô gái phải luôn yêu thương chúng như con đẻ của mình<sup>5</sup>. Theo lời kể của các người già Chu-ru, nhìn chung mối quan hệ giữa các

thành viên trong gia đình đa thê rất hòa thuận. Các bà vợ coi nhau như chị em, thường bảo ban, giúp đỡ nhau trong công việc. Con cái sinh ra dù là con vợ cả hay vợ lẽ đều được đối xử bình đẳng, thương yêu như nhau. Tuy vậy, trong quá trình chung sống, nếu họ cảm thấy không hợp nhau thì có thể tiến hành ly dị. Việc xét xử ly dị trong trường hợp này cũng giống như trường hợp ly dị của hôn nhân một vợ một chồng theo luật tục. Tục đa thê được luật tục Chu-ru cho phép, nhưng trong quá trình nghiên cứu ở các địa bàn, chúng tôi không tìm thấy hiện tượng này.

## 2. Các quy tắc trong hôn nhân

### 2.1. Nội hôn tộc người

Có thể nói, nội hôn tộc người là nguyên tắc hôn nhân tồn tại phổ biến ở nhiều tộc người cư trú ở Trường Sơn - Tây Nguyên nước ta. Nguyên tắc này khuyến khích nam, nữ được kết hôn, xây dựng gia đình với những người trong tộc người của mình.

Trước kia, do địa bàn cư trú tương đối tập trung, tách biệt các mối quan hệ giao lưu văn hóa với các tộc người lân cận hạn chế, nên luật tục của người Chu-ru ở Đơn Dương chỉ ủng hộ việc kết hôn giữa những người trong nội bộ dân tộc. Vì vậy, hôn nhân ngoại tộc đối với người Chu-ru trước kia ít xảy ra.

Giải thích về điều này, nhiều người Chu-ru cho biết, nếu kết hôn với người ngoại tộc thì nàng dâu hay chàng rể một số tộc người khác thường khó hòa nhập với cuộc sống của người Chu-ru, do bất đồng về phong tục tập quán và ngôn ngữ. Đặc biệt, nếu kết hôn với thành viên của tộc người mà chế độ phụ hệ được xác lập vững chắc, lâu

<sup>5</sup> Theo ông Touprong Ya Dung, sinh 1951, thôn Ka Đô cũ, xã Ka Đô, huyện Đơn Dương.

đòi như người Kinh thì sẽ gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện phong tục, tập quán của người Chu-ru; ảnh hưởng đến việc tính từ hệ cho con cái, kế thừa tài sản, giáo dục con cái, truyền thụ văn hóa tộc người và gây khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp nếu có.

Mặc dù ngày nay, hôn nhân khác tộc đã được cho phép nhưng luật tục vẫn quy định những người khác tộc khi kết hôn với người Chu-ru phải tuân thủ theo những phong tục, tập quán mẫu hệ của người Chu-ru. Theo đó, con gái Chu-ru cưới chồng về cư trú nhà mình. Thủ tục cưới hỏi được tiến hành theo ba bước: *lễ dạm ngõ*, *lễ cưới* và *lễ lại mặt*. Khi đi ở rể trong gia đình Chu-ru, người đàn ông ngoại tộc phải thích nghi dần với những sinh hoạt, phong tục tập quán bên nhà vợ. Họ không được quyền nuôi dạy những đứa con theo tập quán, phong tục của tộc người mình. Trường hợp nam Chu-ru lấy một người con gái khác tộc, anh ta phải sang cư trú nhà vợ, con sinh ra phải theo họ mẹ.

Tuy nhiên, theo điều tra của chúng tôi trong các đợt điền dã, những quy định này chỉ được tuân thủ nghiêm ngặt trong những trường hợp hôn nhân giữa người Chu-ru với những tộc người theo chế độ mẫu hệ như người Cơ-ho, Raglai. Còn trong hôn nhân giữa người Chu-ru và người Kinh - tộc người có truyền thống phụ hệ từ lâu đời thì việc áp dụng những quy định này có ít nhiều thay đổi.

Cụ thể như trường hợp chị Bơ Nhông Ma Huyền (sinh năm 1980) là người Chu-ru ở thôn Krăng Chớ, xã Próh, huyện Đơn Dương kết hôn với anh Luân (sinh năm

1976) là người Cơ-ho, ở thôn Pró Ngó, cùng xã với chị Ma Huyền. Lễ cưới của hai người vẫn diễn ra tương tự theo các nghi lễ trong trường hợp hôn nhân nội tộc của người Chu-ru. Gia đình của Bơ Nhông Ma Huyền nộp tiền và lễ vật cho gia đình anh Luân 6,5 chỉ vàng, 30 sợi dây cườm, 10 nhẫn bạc và 10 chiếc khăn dệt thổ cẩm. Ngoài ra, gia đình chị Bơ Nhông Ma Huyền phải lo liệu hết mọi chi phí trong đám cưới.

Trong trường hợp con gái Chu-ru kết hôn cùng con trai người Kinh, người con trai Kinh vẫn phải về ở rể nhà vợ. Tuy vậy, con sinh ra có thể mang họ mẹ hoặc họ cha hoặc một nửa số con trong gia đình mang họ mẹ và một nửa mang họ cha theo sự thỏa thuận của hai vợ chồng. Cụ thể trường hợp chị Jor Long Ma Khuynh là người Chu-ru, ở thôn Próh Trong, xã Próh, huyện Đơn Dương, sinh năm 1974 kết hôn cùng anh Lê Đức Minh là người Kinh, sinh năm 1973, quê ở Thanh Hóa. Sau khi cưới, anh Lê Đức Minh về cư trú nhà vợ tại thôn Próh Trong thuộc xã Próh. Hai vợ chồng sinh được hai người con là Lê Viết Hoàng (sinh năm 1998) và Lê Tuấn Đạt (sinh năm 2003). Cả hai đứa con đều mang họ cha là họ Lê. Trong trường hợp con trai Chu-ru cưới con gái Kinh, con trai vẫn về cư trú nhà vợ theo luật tục Chu-ru. Con sinh ra có thể mang họ mẹ hoặc họ cha.

Thông thường, trong các cuộc hôn nhân hỗn hợp dân tộc vấn đề cư trú sau hôn nhân cũng như lấy họ cho con sau này đều được gia đình hai bên bàn bạc kỹ lưỡng. Chỉ khi nào thỏa thuận xong những vấn đề này, hôn lễ mới được tiến hành, tránh những xung đột, mâu thuẫn về sau làm rạn nứt các mối quan hệ trong gia đình.

Có thể nói, hôn nhân hỗn hợp dân tộc xuất hiện ngày càng phổ biến trong cộng đồng Chu-ru ở Đôn Dương, Lâm Đồng. Điều này có ý nghĩa to lớn trong việc tăng cường thúc đẩy quá trình hiểu biết, xích lại gần nhau giữa các dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn.

## 2.2. Ngoại hôn dòng họ

Dòng họ là một phần quan trọng trong thân tộc và gia đình. Dòng họ có vai trò liên kết các cá nhân có cùng mối quan hệ huyết thống chung một tổ tiên. Song cũng chi phối khá mạnh mẽ đối với mối quan hệ hôn nhân và gia đình.

Theo quan niệm truyền thống của người Chu-ru, dòng họ (*po tian*) là tập hợp những người có cùng quan hệ huyết thống được tính theo dòng mẹ, kể cả trực hệ hay bàng hệ. Những người được xem là cùng dòng họ phải được sinh ra cùng một bà tổ. Giống như nhiều tộc người khác, người Chu-ru không cho phép những người trong cùng một dòng họ kết hôn với nhau. Luật tục không những cấm quan hệ hôn nhân giữa những thành viên sinh ra từ một bà tổ mà còn cấm cả những thành viên cùng mang một tên họ, mặc dù không có quan hệ gì về huyết thống. Vi phạm nguyên tắc trên sẽ bị quy vào tội loạn luân (*kmui lacai*) và bị luật tục trừng phạt rất nặng.

Người Chu-ru rất sợ phạm *kmui lacai*, vì họ cho rằng, trong gia đình, dòng họ có người phạm tội này sẽ làm mất danh dự dòng họ, mọi người trong làng sẽ gặp nhiều xui xẻo, tai họa. Thần linh sẽ nổi giận và trừng phạt bằng cách: gây cháy làng, hạn hán, mất mùa, gieo rắc bệnh dịch cho con người và gia súc... Xưa kia, những người

phạm tội loạn luân bị luật tục Chu-ru phạt rất nặng và già làng sẽ là người đứng ra giải quyết. Nếu hai người chỉ dừng lại ở mức độ yêu thương nhau, người con gái chưa mang thai, già làng sẽ đứng ra kêu gọi tất cả các dòng họ lớn nhỏ trong làng về chứng kiến. Già làng phân công người đan một cái giỏ lớn, đủ cho hai người nằm và khiêng đến nơi có vực nước sâu thả cho chết chìm. Cha mẹ, dòng họ người mắc tội không phải chịu phạt vạ nhưng bị mọi người trong cộng đồng khinh bỉ vì đã làm nhơ nhớp, xúc phạm đến thuần phong mỹ tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng, làm ô uế làng mạc, nên thần linh nổi giận giáng tai họa trừng phạt dân làng.

Trường hợp hai người có quan hệ luyến ái dẫn đến người con gái mang thai thì cả hai người được tha tội chết nhưng bị xử phạt rất nặng. Hai người phạm tội đều không được mặc quần áo, mỗi người mang một cái trống trước bụng vừa đi quanh làng vừa đánh trống mời mọi người đến tham dự lễ. Họ nộp cho già làng một con trâu trắng hoặc dê trắng, một ché rượu làm lễ cúng rửa tội cho cả làng. Khi cúng tế, tạ lỗi với thần linh xong, hai người đến xin lỗi từng thành viên trong làng. Sau đó, họ bị đuổi vào sống ở rừng sâu với chim thú, bị cách ly và khai trừ khỏi cộng đồng. Gia đình, dòng họ người mắc tội và dân làng không quan tâm đến việc sống chết của hai người này nữa. Họ sẽ không được một làng nào tiếp nhận và phải sống một cuộc đời cô đơn, tủi nhục, không chốn nương thân.

Vi những hình phạt khắc nghiệt đó, để hạn chế tuyệt đối xảy ra tội loạn luân, trong gia đình, cha mẹ luôn quan tâm dạy bảo con cái chuyện yêu đương khi chúng đến tuổi trưởng thành. Trước khi đi đến

hôn nhân, cha mẹ có trách nhiệm tìm hiểu kỹ càng về lai lịch, dòng họ người bạn đời tương lai của con mình. Nếu chúng không cùng dòng họ, huyết thống thì các nghi thức hôn lễ mới được tiến hành. Trong luật tục Chu-ru có nhiều điều luật nhắc nhở nam nữ Chu-ru khi lựa chọn người bạn đời cho mình:

“*Bu khiãng anà wa*

*Joi potiàn droi krung pal pleh paatàh*

*Bu iõu huoi gò glài agáp*

*Lam tũ puãi lokoi lokoi pal tonia joi potiàn”.*

Dịch sát nghĩa:

Không bắt con của chú bác  
Dòng họ mình cũng phải tránh xa  
Khi bắt nhau phải hỏi họ hàng  
Không để mắc phải tội loạn luân<sup>6</sup>.

### 3. Một số nghi lễ trong hôn nhân

#### 3.1. Lễ dạm ngõ (tơ nĩa)

Khi đã chọn được ý trung nhân, cô gái về thưa với mẹ mình để lo chuyện cưới hỏi. Mẹ cô gái đến nhờ anh hoặc em trai của mình làm người mai mối (*mọ ngặ pơ lãn*) đến thăm hỏi nhà trai. Nếu mẹ cô gái không có anh, em trai thì bà có thể đi với người con trai lớn trong gia đình hoặc nhờ một người đàn ông có uy tín trong tộc họ. Trước kia, vai trò của người mai mối (*mọ ngặ pơ lãn*) rất quan trọng. Họ là ông cậu của cô gái (*koi miã*), có thể là người lớn tuổi trong dòng họ, hoặc là người có quan hệ thân thiết, là ân nhân của gia đình. *Mọ ngặ pơ lãn* thường là người có tài ăn nói, có cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc, làm

ăn phát đạt. Họ chính là người đưa tin, chuyển tải ý kiến của hai bên gia đình đồng thời chuyển tải ý kiến của đôi trai gái yêu nhau đến cha mẹ từng người.

Việc dạm ngõ thường được tiến hành vào ban đêm, bắt đầu khoảng từ 6, 7 giờ tối kéo dài đến 11, 12 giờ đêm. Tuy nhiên, trong đêm đó hai bên gia đình vẫn chưa thông nhất được với nhau. Bên nhà gái ra về và hẹn tối hôm sau sẽ tiếp tục đến. Việc dạm ngõ tuyệt đối không diễn ra vào ban ngày, bởi theo quan niệm của người Chu-ru, ban đêm là lúc nhà trai đã đi làm về, ăn cơm xong và có mặt đông đủ; đồng thời tránh được sự “dòm ngó” của dân làng, đề phòng việc dạm ngõ không thành công cũng ít người biết, giữ được “tiếng” hoặc cho cô gái khi đi hỏi người con trai khác. Đến nhà trai, ông cậu sẽ trình bày nguyện vọng với cha mẹ chàng trai và hỏi ý kiến chàng trai sau này. Nếu họ đồng ý, hai bên sẽ bàn những công việc liên quan đến những bước tiếp theo của hôn nhân, trong đó quan trọng nhất là vấn đề lễ vật thách cưới. Trường hợp cha mẹ chàng trai không đồng ý, ông cậu sẽ không hỏi ý kiến của chàng trai mà quay trở về nhà.

Lễ vật dạm ngõ có ba thứ không thể thiếu là: chuỗi hạt cườm (*toloi anhũ*), nhẫn bạc (*sri pĩa*), khăn (*aban*), ngoài ra có rượu cần, bánh... Theo quan niệm của người Chu-ru, trong lễ vật không có dây cườm, nhẫn bạc và khăn thì lễ cưới coi như chưa được tiến hành, vì đây là ba lễ vật truyền thống lâu đời của dân tộc. Trong lễ cưới, các vật này tượng trưng cho sự may mắn và sự bền vững của tình yêu trai gái. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng tượng trưng cho sự sang trọng, giàu có. Trong làng, nhà nào có

<sup>6</sup> Theo ông Touneh Ya Tong, sinh 1938, thôn Ma Đanh, xã Tu Tra, Đơn Dương.

hiều dây cườm, nhẫn bạc sẽ được mọi người coi trọng, kính nể.

Thành viên nhà gái sang làm lễ ăn hỏi ở nhà trai gồm: ông cậu (*miã*) của cô gái - người đóng vai trò quan trọng nhất, dẫn đầu và khoảng 5 đến 7 người nữa, thường là anh, chị, em ruột của cô gái và một số người thân thiết, có vai vế được gia đình bên nhà gái tin tưởng.

Đến nhà trai, bố mẹ người con trai tiếp chuyện nhà gái. Ông cậu là người trình bày nguyện vọng với cha mẹ chàng trai và hỏi ý kiến chàng trai. Cuộc nói chuyện về vấn đề xin hỏi cưới chàng trai cho cô gái diễn ra rất tế nhị trong từng câu nói của người cậu và bố mẹ người con trai. Người cậu ngỏ ý muốn thuê “con trâu đực” (chàng trai) của nhà trai và hỏi thăm ý kiến của gia đình họ có đồng ý không. Nếu họ đồng ý thì hứa sẽ “trả công” xứng đáng với sức lao động của chàng trai mà gia đình họ mất đi.

Trong lễ dạm ngõ, cô gái không xuất hiện ngay mà lánh tạm ở nhà người quen gần nhà chàng trai nhất. Sau khi chàng trai đồng ý, cô sẽ có mặt để tiến hành nghi lễ. Ngay lúc đó, người con trai phải đi thông báo cho họ hàng bên mình biết và mời về tham dự lễ.

Trong buổi lễ, chú rể (*lơ koi*) và cô dâu (*kơ moi*) ngồi vào giữa một chiếc chiếu dưới sự chứng kiến của mọi người trong hai gia đình, dòng họ. Gia đình nhà *lơ koi* sẽ đặt trước mặt hai người một cái mâm, bên trong bày hai cái đĩa, hai ly rượu. Hai bà mẹ của chàng trai và cô gái sẽ đặt vào mỗi cái đĩa một dây cườm, một nhẫn bạc. *Lơ koi*, *kơ moi* sẽ trao nhẫn, dây cườm cho nhau, cùng uống hết hai ly rượu và nguyện sau này sẽ mãi yêu thương, chung sống suốt đời bên nhau. Sau

đó, cả hai cùng rót rượu của gia đình *lơ koi* mời từng người đến tham dự lễ. Sau đó gia đình *kơ moi* mang ché rượu của gia đình mình đặt vào giữa chiếu chuẩn bị mời lại hai bên dòng họ. Ông cậu đại diện cho gia đình cô dâu trao một chiếc cần uống rượu cho hai người. Chiếc cần dùng để uống rượu này được cô dâu chuẩn bị từ trước để mang sang nhà trai trong lễ cưới của mình. Hai người cầm tay nhau cùng uống rượu. Trong lúc đó, ông cậu của cô gái tuyên bố trước hai bên dòng họ rằng: “*Lơ koi* và *kơ moi* đã uống rượu, đeo nhẫn và dây cườm của hai bên gia đình. Từ nay, cả hai được thần linh, cộng đồng cũng như mọi người trong hai bên gia đình, dòng họ coi như đã thành vợ thành chồng với nhau rồi. Trước sự chứng kiến của thần linh, tổ tiên dòng họ, *lơ koi* và *kơ moi* hãy hứa lại một lần nữa sẽ suốt đời chung sống bên nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn, hoạn nạn. Ai không thực hiện theo đúng lời hứa sẽ bị thần linh phạt tội”<sup>7</sup>.

Khi hai người đã uống rượu xong, *kơ moi* tiến hành rót rượu trong ché của gia đình mình mang đến mời lại dòng họ bên *lơ koi* và người mai mối (*mọ ngã pơ lãn*). Đến đây, nghi lễ dạm hỏi kết thúc. Nếu hai gia đình thỏa thuận được với nhau, lễ cưới sẽ được tiến hành ngay hôm sau, hoặc sau đó một thời gian, dài hay ngắn phụ thuộc vào thời điểm nhà gái hoàn thành sinh lễ cho nhà trai.

Sau lễ dạm ngõ, người con gái sẽ ở lại nhà trai 8 ngày. Tại đây, người con gái tham gia sinh hoạt cùng với gia đình chàng trai. Có thể nói, trong 8 ngày này là những ngày khá quan trọng đối với cô gái, bên nhà

<sup>7</sup> Theo ông Jơ Long Ya Thu, sinh 1950, thôn Próch Trong, xã Poh, Đơn Dương.

trai sẽ đánh giá xem con dâu của mình có phải là người đảm đang, khéo léo, biết đối nhân xử thế không... Sau 8 ngày này, người con gái trở về nhà mình đợi ngày thành hôn.

### 3.2. Lễ cưới (*bong puăi komoi lokoi*)

Như đã đề cập ở phần lễ dạm ngõ, thời gian tổ chức lễ cưới của đôi trai gái Chu-ru sớm hay muộn tùy thuộc vào thời gian nhà gái hoàn tất việc trao cho gia đình nhà trai sính lễ cưới hỏi. Trong ba bước tiến hành nghi thức hôn nhân ở người Chu-ru thì lễ dạm ngõ được xem là quan trọng nhất, quyết định việc hôn nhân của đôi trai gái có được tiến hành hay không. Luật tục Chu-ru có câu nhắc nhở hai bên gia đình không được bội tín với nhau, nếu bên nào vi phạm sẽ bị luật tục xử phạt rất nặng: “*Krah nêh buh, anhũ nêh potrũa, topai nehtuh, monũ nêh jiong rolo bloh, konăn diour juoi tor blờ ponuăi sonuai, monũ koiông mung sonuai*” (Khi nhẫn đã đeo, dây cườm đã quàng, rượu cần đã đổ bã, gà đã thịt xong thì đừng có chiều tối hứa hôn, gà gáy từ hôn)<sup>8</sup>.

Lễ cưới là bước thể hiện sự thành công của hôn nhân. Nếu như lễ dạm ngõ được tổ chức bên nhà trai, lễ cưới chồng được tổ chức linh đình, tốn kém nhiều hơn và hoàn toàn diễn ra bên nhà gái.

Đúng ngày đã định trước, nhà gái sẽ mang đầy đủ những lễ vật thách cưới theo đúng yêu cầu của nhà trai. Lễ vật thách cưới truyền thống gồm có: nhẫn bạc, dây cườm, khăn, ché rượu cần, trâu, bò, lợn..., trong đó, nhẫn bạc và dây cườm là vật thiêng liêng biểu hiện cho tình yêu nam nữ không thể

thiếu được. Trai gái yêu nhau trao cho nhau chiếc nhẫn, chiếc vòng làm tin. Vòng tròn đều đặn, chiếc nhẫn tựa như vành trăng - một biểu tượng bền vững, chan chứa tình cảm lứa đôi chung thủy.

Số lượng lễ vật thách cưới trong hôn nhân nhiều hay ít là do yêu cầu nhà trai đưa ra. Nhìn chung, tục thách cưới trong chế độ mẫu hệ khá nặng nề. Nhiều khi, gia đình nhà trai đòi hỏi lễ vật quá nhiều, nhà gái không đủ điều kiện đáp ứng một lúc mà phải trả dần.

Nhà gái cử đại diện mang lễ vật thách cưới cho nhà trai và xin phép được rước về nhà. Nhà trai đem theo của hồi môn cho con trai mình. Của hồi môn (*koya potui lokoi*) gồm: một con trâu, một con lợn, một con dê, lúa, chén, tô, bát, đĩa, quần áo, khăn... vì công lao của con trai đã làm ra của cải cho cha mẹ. Đối với nhà nghèo chỉ cần cặp gà, cặp vịt, lúa, quần áo... Theo người Chu-ru, của hồi môn có nhiều sẽ đem lại nhiều danh tiếng cho gia đình nhà trai.

Khi đưa chú rể về đến nhà, gia đình nhà gái sẽ tiến hành lễ thông báo với ông bà, tổ tiên. Lễ vật nhà gái chuẩn bị cúng gồm: một ché rượu cần, một con gà luộc, hai chén cơm, hai cặp trứng, hai ly rượu, một ly nước lã... đặt trên một chiếc chiếu hoặc lá chuối để cúng. Cô dâu, chú rể đội lên đầu những chiếc khăn trắng và được dẫn đến trước chỗ cúng. Tại đây, người chủ hôn đọc bài văn cúng bằng tiếng Chu-ru, ngụ ý thông báo với tổ tiên và cầu mong tổ tiên phù hộ cho đôi vợ chồng trẻ được hòa thuận, làm ăn thuận lợi. Trước bàn thờ tổ tiên, hai người cùng cụng đầu vào nhau nhưng không đeo nhẫn và dây cườm. Sau đó, những của hồi môn của chàng trai như chén, tô, đĩa, khăn...

<sup>8</sup> Theo bà Bonahria Ma Phuong, sinh 1944, thôn Ma Danh, xã Tu Tra, Đơn Dương.

được để trên mâm và bố chàng trai trao cho cô dâu. Tiếp đó, hai người cầm một chiếc cần cắm vào một ché rượu cần đã được chuẩn bị sẵn từ trước. Họ cũng là người được uống đầu tiên, kế đến là tộc trưởng và người của hai họ.

Sau đó, gia đình nhà gái cử đại diện, thường là ông cậu của cô gái, dẫn hai người tới phòng tân hôn, làm lễ động phòng. Đây là nghi thức quan trọng và bắt buộc đối với những đám cưới của người Chu-ru. Tại phòng tân hôn, người ta đã chuẩn bị sẵn một mâm lễ vật, bao gồm: một con gà trống, một chén com, 3 - 4 miếng trầu cau, một khay đựng rượu cần...

Khi tiến hành lễ, cô dâu, chú rể được trèo lên đầu một chiếc khăn trắng, theo quan niệm của người Chu-ru, nhằm để các vị thần linh về chứng kiến lễ cưới của họ, và khăn trắng thể hiện sự trong trắng của đôi vợ chồng, đặc biệt là của cô dâu. Cô dâu, chú rể sẽ được người phụ nữ lớn tuổi, hoặc là người phụ nữ sinh nhiều con, có gia đình hạnh phúc hoặc là chủ hôn cầm tay dắt họ vào buồng cưới. Khi đi, theo phong tục, cô dâu sẽ đi trước, chú rể đi sau và tiếp đến là một số người đại diện cho hai bên gia đình cùng vào chứng kiến.

Tại buồng cưới, người phụ nữ lớn tuổi đó hoặc chủ hôn sẽ hướng dẫn cô dâu, chú rể ngồi ở đầu giường. Đại diện của hai bên gia đình ngồi ở phía dưới và bắt đầu làm lễ cúng thần linh về chứng kiến, đồng thời cầu xin phù hộ cho họ luôn yêu thương nhau... Hai bên gia đình căn dặn đôi vợ chồng trẻ một số vấn đề liên quan đến bổn phận và nghĩa vụ của họ sau khi cưới. Tiếp đó người chủ hôn đưa cho hai vợ chồng trẻ mỗi người một ly rượu cần đã được rót sẵn, để cô dâu, chú rể

mời nhau uống hết rồi cùng mời nhau ăn trầu cưới. Trầu cưới, theo quan niệm của người Chu-ru nơi đây, khác với trầu dùng trong tang ma, cả về cách tằm và gia vị. Cụ thể, trầu cau dùng trong cưới xin được quấn theo chiều sống ra ngoài và quấn chặt vào nhau nhằm mong muốn cho đôi vợ chồng trẻ gắn bó với nhau suốt đời và đặc biệt không có vôi, hoặc nếu có vôi đã được nhuộm màu hồng vì họ sợ vợ chồng sẽ bạc như vôi. Các ly rượu còn lại sẽ được họ lần lượt đem mời anh em, bà con đến chứng kiến.

Đến đây, phần lễ cưới kết thúc. Cô dâu, chú rể có thể trở ra nhà ngoài để cùng vui liên hoan với bạn bè, bà con. Cuộc vui kéo dài đến hết ngày hôm đó.

### 3.3. Lễ lại mặt

Sau khi cưới, hai vợ chồng ở lại nhà vợ bảy ngày rồi trở về thăm cha mẹ bên chồng trong bảy ngày rồi quay về cư trú vĩnh viễn ở nhà vợ. Khi về nhà chồng, người vợ mang theo ít đồ tư trang, quần áo của mình và một chiếc khăn tặng cho mẹ chồng. Chiếc khăn tượng trưng cho hình ảnh người mẹ địu con, ngụ ý tỏ lòng biết ơn của con dâu đến người mẹ đã nuôi nấng chồng mình khôn lớn. Người Chu-ru quan niệm, bảy ngày ở nhà chồng là thời gian chỉ có một lần trong đời để người con dâu trả ơn cha mẹ chồng đã sinh ra, nuôi dạy chồng mình lớn khôn để hôm nay về làm “*người nuôi*” trong gia đình mình. Trong bảy ngày này người vợ phải tỏ ra đảm đang, khéo léo, làm tất cả mọi công việc giặt giũ, nấu nướng bữa ăn trong gia đình. Đặc biệt, trong thời gian này cô ta không được bước chân ra khỏi ngõ nhà chồng, nếu sai phạm, cô ta sẽ gặp nhiều xui xẻo, tai nạn như: ra ruộng bị rắn cắn, cầm

chà gạc sẽ bị cắt vào chân, ra suối lấy nước bị chết đuối... Ngày cuối cùng, bố mẹ chồng tổ chức một bữa tiệc nhỏ, nhằm thông báo cho anh em của họ biết đôi trai gái đã thực sự trở thành vợ chồng, yêu thương và mong muốn được chung sống trọn đời với nhau. Sau bữa tiệc này, cặp vợ chồng đó sẽ về ở hẳn bên nhà gái, chỉ thỉnh thoảng hoặc có dịp quan trọng họ mới trở lại bên nhà trai.

#### 4. Vấn đề cư trú sau hôn nhân

Có thể nói, cư trú bên nhà gái là hình cư trú sau hôn nhân phổ biến nhất của người Chu-ru từ trước đến nay. Bên cạnh đó, cũng có những trường hợp ngoại lệ, sau khi cưới, vợ sẽ về cư trú nhà chồng, nếu khi gia đình chàng trai giàu có nhưng không có con gái để chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ lúc tuổi già. Họ sẵn sàng bỏ nhiều trâu, bò, nhẫn bạc, dây cườm, tiền để cưới cô gái về làm vợ. Thông thường, những người con gái khi đồng ý về nhà chồng cư trú sau hôn nhân là những cô gái kém nhan sắc hoặc đã quá lứa lỡ thì, không ai để ý đến. Nhìn chung, hình thức cư trú sau hôn nhân này rất ít xảy ra.

Trong gia đình nhà vợ, các cặp vợ chồng sống chung với nhau trong nhà sàn dài. Trừ vợ chồng người con gái út phải ở lại phụng dưỡng bố mẹ, những cặp vợ chồng của những người chị em gái khi có điều kiện và được cha mẹ đồng ý sẽ tách ra ở riêng; được cha mẹ, anh chị em trong dòng họ phía vợ giúp dựng nhà, hỗ trợ tiền bạc, đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất, thóc giống tùy thuộc vào điều kiện. Nếu gia đình khá giả, cha mẹ có thể cho thêm trâu, bò, chiêng ché, dây cườm, nhẫn bạc. Trách nhiệm của gia đình nhà trai trong trường hợp này không bị bắt buộc mà chỉ đóng góp tùy theo khả năng.

Những cặp vợ chồng khi tách ra ở riêng thường làm căn nhà nhỏ bên cạnh ngôi nhà bố mẹ vợ hoặc trong khuôn viên của gia đình, dòng họ phía người vợ để thuận tiện cho việc giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong sản xuất cũng như sinh hoạt hằng ngày, tăng cường mối quan hệ đoàn kết gắn bó giữa những thành viên trong gia đình.

Trong trường hợp nam Chu-ru lấy vợ ở một tộc người khác, sau hôn nhân họ vẫn về cư trú nhà vợ. Nữ giới Chu-ru khi lấy chồng ngoại tộc, họ vẫn có quyền đưa chồng về cư trú nhà cha mẹ mình. Cụ thể như hai trường hợp kết hôn giữa con gái Chu-ru với con trai Cơ-ho và trường hợp con gái Chu-ru lấy con trai Kinh mà chúng tôi đã có dịp đề cập ở phần trên, sau khi cưới, người con trai của tộc người khác đều cư trú ở nhà vợ mình. Đây là những điều mà nam, nữ ở tộc người khác khi quyết định lập gia đình với nam, nữ Chu-ru phải chấp nhận dù điều đó không phù hợp với truyền thống của tộc người mình.

#### 5. Vấn đề ly hôn

Giống như các tộc người khác, việc ly hôn đối với người Chu-ru là điều không ai mong muốn. Để cưới được chồng cho con gái, gia đình phải chịu khoản phí tổn khá lớn cho phần lễ vật theo yêu cầu của nhà trai, nên việc ly hôn cũng dẫn đến những thiệt hại kinh tế đáng kể cho cả hai bên gia đình. Mặt khác, việc ly hôn cũng phá vỡ mối liên hệ bền chặt được thiết lập qua hôn nhân của hai gia đình, dòng họ. Vì vậy, ở các làng người Chu-ru rất hiếm trường hợp ly hôn. Nhìn chung, có ba nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn:

Thứ nhất, do vợ hoặc chồng ngoại tình;

Thứ hai, do vợ vụng về, không đảm đang hoặc không có khả năng sinh nở;

Thứ ba, do chồng quá lười biếng hoặc có quá nhiều tật xấu như rượu chè be bét, vũ phu...

Khi đi ở rể nhà vợ, nếu chàng trai không tôn trọng cha mẹ vợ, tỏ ra lười biếng thì sẽ bị trả về lại nhà của mình và hoàn trả lại toàn bộ tiền mà nhà gái đã bỏ ra để cưới anh ta. Vì vậy, người con trai rất sợ việc bị trả về hoặc phải ly hôn vợ. Một phần do anh ta sợ việc đền bù cho bên vợ khi ly hôn, mặt khác anh ta sợ ảnh hưởng đến danh dự, làm xấu hổ mọi người trong gia đình dòng họ mình.

Vì một lý do gì đó, khi hai vợ chồng muốn ly hôn, họ mời già làng và hai bên gia đình, dòng họ đến giải quyết. Trường hợp chồng bỏ vợ thì anh ta phải đền bù cho cha mẹ vợ một con trâu, đền bù danh dự cho vợ một con trâu. Sau đó, anh ta trở về cư trú nhà mẹ hoặc những chị em gái ruột của mình như khi chưa có vợ. Khi ra đi, anh ta không được mang bất kỳ tài sản gì ngoài một vài đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình như: quần áo, công cụ lao động thường ngày. Con cái sẽ ở với mẹ, vì người Chu-ru cho rằng dù bất kỳ hoàn cảnh nào, mẹ vẫn là người yêu thương con hơn người cha. Mặt khác, khi ly hôn vợ, người chồng tái hôn, lúc đó sẽ không có sự đối xử công bằng giữa những đứa con chung và con riêng của chồng. Khi vợ đảm nhiệm nuôi con, chồng sẽ đền bù kinh phí nuôi dưỡng cho mỗi đứa một con trâu. Đây là những khoản đền bù bắt buộc người chồng phải trả. Nếu không trả đủ

những khoản trên, việc ly hôn sẽ không được tiến hành.

Trường hợp vợ chủ động bỏ chồng, người vợ sẽ đền bù danh dự cho chồng một con trâu và một con heo. Con trâu sẽ được chồng giữ lại nuôi, con heo sẽ được mổ thịt đãi già làng và dòng họ đến tham dự xét xử ly hôn. Sau khi ly hôn và trả hết các lễ vật bắt buộc, người vợ hoặc người chồng được quyền tái hôn. Vấn đề này được quy định rất rõ trong luật tục Chu-ru:

*“Sodũ posàng hodũ song gõu*

*You ia song ak àn*

*Aròng soi õng hodũ ih*

*Aròng non kong ponuãi tromàl glài*

*Tromàl kobàu pobầu rosi*

*Tromàl bobui poyã abih plơi”*

Nghĩa là: Vợ chồng sống với nhau

Như cá sống dưới nước

Kẻ nào muốn sống riêng

Kẻ đó chịu phạt vạ.

Phạt trâu đền danh dự

Phạt heo để đãi làng<sup>9</sup>.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Cục thống kê Lâm Đồng, *Tổng điều tra dân số 01/4/1999*.

2. Vũ Đình Lợi (1994), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô - Pôlynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

<sup>9</sup> Theo bà Bonahria Ma Phuong, sinh 1944, thôn Ma Đanh, xã Tu Tra, Đơn Dương.